

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN KHÊ**

Số: 2001 /UBND-NV

V/v triển khai thực hiện Văn bản
số 2032/SNV-XDCQ ngày
11/11/2021 của Sở Nội vụ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

An Khê, ngày 26 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường

Trên cơ sở Văn bản số 2032/SNV-XDCQ ngày 11/11/2021 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quy định cán bộ, công chức cấp xã, tuyển dụng công chức cấp xã và một số nội dung liên quan thuộc lĩnh vực xây dựng chính quyền;

Ủy ban nhân dân thị xã yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện một số nội dung, cụ thể như sau:

1. Quán triệt, phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại Văn bản số 2032/SNV-XDCQ ngày 11/11/2021 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quy định cán bộ, công chức cấp xã, tuyển dụng công chức cấp xã và một số nội dung liên quan thuộc lĩnh vực xây dựng chính quyền.

(Kèm theo Văn bản số 2032/SNV-XDCQ ngày 11/11/2021 của Sở Nội vụ).

2. Rà soát tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ công chức cấp xã theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; trên cơ sở đó, đối với trường hợp công chức cấp xã được tuyển dụng trước khi Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành mà chưa đạt tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, ngành đào tạo quy định thì chậm nhất ngày 25/12/2024 phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, phường khẩn trương xây dựng lộ trình, kế hoạch chuẩn hóa các trường hợp này và gửi về Ủy ban nhân dân thị xã (qua Phòng Nội vụ) trước ngày **06/12/2021** để theo dõi, chỉ đạo.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện./ thap

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- Ban Tổ chức Thị ủy;
- Các thành viên UBND thị xã;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Lưu: VT, NV.

Ku

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Vỹ

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2032 /SNV-XDCQ

Gia Lai, ngày 11 tháng 11 năm 2021

Về việc hướng dẫn thực hiện quy định cán bộ, công chức cấp xã, tuyển dụng công chức cấp xã và một số nội dung liên quan thuộc lĩnh vực xây dựng chính quyền

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh quy định về bố trí số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định chi tiết một số điều, khoản, điểm và biện pháp thi hành Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Để kịp thời triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất nhiệm vụ công tác thuộc lĩnh vực xây dựng chính quyền, Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số nội dung có liên quan, cụ thể như sau:

I. Về bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã:

1. Về bố trí số lượng cán bộ, công chức ở phường: Phường loại 1 được bố trí tối đa 23 người, loại 2 được bố trí tối đa 21 người, loại 3 được bố trí tối đa 19 người. Số lượng này bao gồm người được luân chuyển, điều động, biệt phái theo quy định.

2. Về bố trí số lượng cán bộ, công chức ở xã, thị trấn: Xã, thị trấn loại 1 được bố trí tối đa 22 người, loại 2 được bố trí tối đa 20 người, loại 3 được bố trí tối đa 18 người (do đã bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Trưởng Công an xã theo quy định). Số lượng này bao gồm người được luân chuyển, điều động, biệt phái theo quy định.

3. Chú ý: Việc quyết định bố trí tăng thêm người tại từng chức danh công chức cấp xã phải được xem xét, đánh giá kỹ lưỡng; gắn với yêu cầu nhiệm vụ, công việc tại từng địa bàn; định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trong giai đoạn 2021 – 2026 và đến năm 2030; xử lý công tác cán bộ có liên quan (theo quy định).

của cấp thẩm quyền đối với các chức danh cán bộ cấp xã). Không nhất thiết phải bố trí, sử dụng hết số lượng tối đa.

II. Về tuyển dụng công chức cấp xã:

1. Tiêu chuẩn công chức cấp xã:

Công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 3 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và các tiêu chuẩn cụ thể quy định tại khoản 1, Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP; khoản 1, Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV. Trong đó:

1.1. Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngành đào tạo của các chức danh công chức cấp xã:

a) Đối với các xã miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn áp dụng theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND.

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại:

Các chức danh công chức xã, phường, thị trấn phải tốt nghiệp từ đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức quy định tại Điều 4 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND. Trừ Chức danh Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Dân quân tự vệ năm 2019 và chức danh Tư pháp – hộ tịch thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 72 Luật Hộ tịch năm 2014.

1.2. Tiêu chuẩn về trình độ tin học, ngoại ngữ: Không áp dụng quy định trình độ tin học, ngoại ngữ đối với công chức cấp xã, người tham gia dự tuyển công chức cấp xã theo văn bản số 3089/BNV-CQĐP ngày 25/6/2021 của Bộ Nội vụ (đính kèm văn bản này).

2. Căn cứ tuyển dụng: Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã theo từng chức danh tại Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND và quy định về tuyển dụng công chức cấp xã tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, Thông tư số 13/2019/TT-BNV, Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND.

3. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư số 13/2019/TT-BNV.

4. Phương thức tuyển dụng:

4.1. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã:

Thực hiện việc xét tuyển (xét các điều kiện đăng ký dự tuyển) và bổ nhiệm theo quy định tại Điều 3, Điều 6 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP; khoản 1 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP; Điều 7 Thông tư số 13/2019/TT-BNV và mục 4, Chương IV Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND. Việc bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và các quy định chuyên ngành quân sự có liên quan.

Trường hợp theo khoản 3, Điều 9 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP thì phòng Nội vụ cấp huyện có văn bản gửi Sở Nội vụ thống nhất không thành lập Hội đồng tuyển dụng.

4.2. Đối với các chức danh công chức cấp xã còn lại:

a) Đối với các xã miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì có thể xem xét thực hiện việc tuyển dụng thông qua xét tuyển hoặc thi tuyển. UBND cấp huyện xem xét, quyết định phương thức tuyển dụng công chức cấp xã trong trường hợp này đảm bảo đúng quy định.

b) Các xã, phường, thị trấn còn lại phải thực hiện việc tuyển dụng thông qua thi tuyển.

c) Việc tuyển dụng thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển thực hiện theo quy định tương ứng tại Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND.

5. Ưu tiên trong tuyển dụng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển công chức cấp xã thuộc nhiều diện ưu tiên theo quy định thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

6. Thẩm quyền tuyển dụng:

Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo đúng quy định. Căn cứ số lượng người đăng ký dự tuyển, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định việc thành lập Hội đồng thi tuyển hoặc Hội đồng xét tuyển. Trường hợp không thành lập Hội đồng thì Phòng Nội vụ cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ; sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ cấp huyện giúp Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã.

Lưu ý: Khi tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã vẫn phải thành lập các Ban giúp việc theo quy định.

7. Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển, xét tuyển: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

8. Trình tự, thủ tục tuyển dụng công chức cấp xã:

8.1. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng:

Hàng năm, bắt đầu từ năm 2022, UBND cấp xã có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã theo từng chức danh vào đầu năm; báo cáo UBND cấp huyện phê duyệt và tổ chức tuyển dụng theo quy định. Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã phải nêu rõ số lượng chức danh công chức cấp xã tương ứng với số lượng công chức hiện có và số lượng công chức còn thiếu (so với số được giao theo từng chức danh); điều kiện đăng ký dự tuyển theo từng chức danh công chức cấp xã.

UBND cấp huyện tổng hợp chung và xây dựng kế hoạch tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã thuộc quyền quản lý.

8.2. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển:

UBND cấp huyện phải thông báo công khai ít nhất 01 lần trên phương tiện thông tin đại chúng cấp tỉnh, trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của UBND cấp huyện và trụ sở làm việc của UBND cấp xã nơi tuyển dụng công chức (yêu cầu nêu rõ về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng và chức danh công chức cần tuyển, phương thức tuyển dụng, thời hạn và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển).

Người đăng ký dự tuyển công chức phải nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính quy định.

Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày, sau ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện và trụ sở làm việc của UBND cấp xã nơi tuyển dụng.

8.3. Tổ chức tuyển dụng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP; khoản 9, Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND.

8.4. Thông báo kết quả tuyển dụng và thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc: Thực hiện theo quy định tại khoản 10 và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP; khoản 1, Điều 5 Thông tư số 13/2019/TT-BNV.

9. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển, xét tuyển: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

10. Các quy định liên quan đến chế độ đối với người tập sự; chế độ, chính sách đối với người hướng dẫn tập sự; công nhận đối với người hoàn thành chế độ tập sự; hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự: Thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP.

III. Tuyển dụng công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt:

1. Thẩm quyền tuyển dụng: Chủ tịch UBND cấp huyện.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 13/2019/TT-BNV. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 13/2019/TT-BNV.

3. Khi tiếp nhận công chức cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch (trừ trường hợp trước khi được bầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã đã là công chức cấp xã).

3.1. Hội đồng kiểm tra, sát hạch

a) Hội đồng kiểm tra, sát hạch có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện; 01 ủy viên là lãnh đạo Phòng Nội vụ, kiêm Thư ký Hội đồng; 01 ủy viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã nơi dự kiến bố trí công chức sau khi được tiếp nhận; các ủy viên khác là đại diện một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển; sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận.

c) Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3.2. Hình thức và nội dung sát hạch do Hội đồng kiểm tra, sát hạch căn cứ vào yêu cầu chức danh công chức cần tuyển, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định trước khi tổ chức sát hạch.

3.3. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm về các điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã.

IV. Áp dụng quy định đối với công chức cấp xã được tuyển dụng trước khi Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành:

1. Công chức cấp xã được tuyển dụng trước khi Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành mà chưa đạt tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, ngành đào tạo quy định thì chậm nhất ngày 25/12/2024 phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Đề nghị UBND cấp huyện khẩn trương xây dựng lộ trình, kế hoạch chuẩn hóa các trường hợp này; định kỳ, thường xuyên trong năm đánh giá, rà soát, kịp thời chỉ đạo điều chỉnh (nếu cần thiết) gắn với đôn đốc, hướng dẫn, xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan.

Lưu ý: Ngành chuyên môn được chuẩn hóa theo ngành đã tuyển dụng công chức cấp xã đầu vào trước đây hoặc theo ngành mới quy định tại Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND.

2. Các quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, Thông tư 13/2019/TT-BNV và Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND, Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND là căn cứ để UBND cấp huyện tổ chức thực hiện việc quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, thực hiện các chế độ, chính sách hoặc thực hiện tinh giản biên chế.

V. Về điều động công chức cấp xã (trong nội bộ, giữa các đơn vị hành chính cấp xã): Yêu cầu phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện tại chức danh công chức; đảm bảo năng lực đảm đương nhiệm vụ tại vị trí công tác; được sự đồng thuận các tổ chức, cá nhân liên quan.

VI. Về thực hiện chế độ kiêm nhiệm theo Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND: Thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 471/SNV-XDCQ ngày 29/3/2021 của Sở Nội vụ. Chú ý: Riêng trường hợp kiêm nhiệm do cơ quan có thẩm quyền của Trung ương, của tỉnh quy định cụ thể thì áp dụng theo các quy định này. Ví dụ: Bí thư kiêm Trưởng thôn (Bí thư đồng thời là Trưởng thôn); Phó Bí thư kiêm Trưởng thôn.

VII. Về các vướng mắc liên quan thuộc lĩnh vực Xây dựng chính quyền: Theo phụ lục tổng hợp đính kèm văn bản này.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị UBND cấp huyện kịp thời báo về Sở Nội vụ để phối hợp giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban TCTU;
- Đ/c Nguyễn Đình Tiến, GD Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, XDCQ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Đại Thắng

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP GIẢI QUYẾT VƯƠNG MẮC THUỘC LĨNH VỰC XDCQ

(Kèm theo văn bản số 2032 /SNV-XDCQ ngày 11 /11/2021 của Sở Nội vụ)

STT	LĨNH VỰC	NỘI DUNG VƯƠNG MẮC	Ý KIẾN SỞ NỘI VỤ
1	Công tác tuyển dụng công chức cấp xã	1. Đề nghị hướng dẫn về quy định nộp hồ sơ dự tuyển công chức cấp xã, theo phương án: cho thí sinh đăng ký tuyển dụng theo từng vị trí việc làm ở cấp huyện (sau khi trúng tuyển, theo thứ tự ưu tiên, cấp huyện quyết định phân bổ về các xã, phường, thị trấn như đối với tuyển dụng viên chức giáo viên trường học); hay chọn phương án: cho thí sinh đăng ký tuyển theo từng vị trí việc làm của từng xã, phường, thị trấn; sau khi trúng tuyển huyện sẽ quyết định tuyển dụng ngay về cấp xã đó công tác. Trong trường hợp UBND cấp xã xây dựng kế hoạch tuyển dụng chỉ đăng ký một số ngành chuyên môn (không phải tất cả các ngành) quy định tại Điều 4, Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND thì khi xây dựng Kế hoạch tuyển dụng chung cho cả huyện, UBND cấp huyện có được mở rộng số ngành chuyên môn so với số ngành mà xã đã đăng ký. 2. Đề nghị xem xét có hướng dẫn quy định xét tuyển cho một số sinh viên hệ cử tuyển đã tốt nghiệp ra trường có ngành nghề phù hợp khi tuyển dụng công chức cấp xã. 3. Thông tin tuyển dụng công chức cấp xã có thể	1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã được thực hiện trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng theo từng chức danh của UBND cấp xã. Người đăng ký dự tuyển vào UBND cấp xã nào thì khi trúng tuyển sẽ được UBND cấp huyện tuyển dụng vào cấp xã đó theo đúng kế hoạch của UBND cấp xã đã được UBND cấp huyện phê duyệt. Về ngành đào tạo của từng chức danh công chức cấp xã trong kỳ tuyển dụng; đề nghị thực hiện theo đúng quy định tại Điều 4 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND; ngoài ra, có thể không áp dụng ngành đào tạo của công chức cấp xã đang có mặt tại chức danh đăng ký tuyển dụng (trong trường hợp bố trí số lượng lớn hơn 01 công chức tại chức danh công chức cấp xã này) nếu trùng với quy định tại Điều 4 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND. 2. Sinh viên cử tuyển đào tạo theo địa chỉ, sau khi tốt nghiệp được tuyển dụng theo quy định riêng. Việc tuyển dụng sinh viên hệ cử tuyển không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định về tuyển dụng công chức cấp xã. 3. Yêu cầu tuyển dụng công chức phải bảo

	chỉ đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng trong phạm vi địa bàn cấp huyện. 4. Trường hợp cần thiết phải tuyên dụng công chức xã là người dân tộc Jrai (Gia Rai), Bahnar (Ba Na) có tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao hơn tiêu chuẩn quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 3, Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND; Trường hợp ngành đào tạo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này thay, đổi tên gọi hoặc trường hợp cần thiết khác, UBND cấp huyện căn cứ đặc điểm tình hình thực tế bố trí, sử dụng chức danh công chức cấp xã và yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã quy định tại Điều 2 Thông tư số 13/2019/TT-BNV đề quyết định ngành đào tạo khác ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 4 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND thì việc lấy ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ trước khi tổ chức tuyển dụng công chức xã sẽ do UBND cấp huyện xin ý kiến hay ủy quyền cho Phòng Nội vụ xin ý kiến. 5. Theo quy định chỉ thực hiện việc xét tuyển	đảm các nguyên tắc tuyển dụng quy định tại Luật Cán bộ, công chức năm 2008 là công khai, minh bạch, khách quan, đúng pháp luật và bảo đảm tính cạnh tranh. Việc thông tin tuyển dụng công chức cấp xã đã được Sở Nội vụ hướng dẫn tại văn bản này. 4. Đối tượng áp dụng thực hiện quy định này đã quy định cụ thể tại điểm c, khoản 1, Điều 3 và khoản 9, Điều 4 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND là UBND cấp huyện. 5. Quy trình, tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm
--	--	--

		chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã (xét các điều kiện đăng ký dự tuyển) và bổ nhiệm theo quy định tại Điều 3, Điều 6 Nghị định số 112/2011/ND-CP, khoản 1 Điều 1 Nghị định số 34/2019/ND-CP, Điều 7 Thông tư số 13/2019/TT-BNV và mục 4, Chương IV Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND mà không thành lập Ban kiểm tra sát hạch, để sát hạch về trình độ hiểu biết chung về Nhà nước và pháp luật, kiến thức chuyên môn của người dự tuyển. Đề nghị Sở Nội vụ hướng dẫn cụ thể quy trình kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chuẩn của người dự tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 112/2011/ND-CP của Chính phủ: “a) Hiểu biết về lý luận chính trị, nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước”; “phải có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và các lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự...” đề Hội đồng xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã và phòng Nội vụ (trường hợp không thành lập Hội đồng) có cơ sở tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm theo quy định.	quyền xét tuyển Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã đã được quy định tại Nghị định số 112/2011/ND-CP, Thông tư số 13/2019/TT-BNV, Thông tư Liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP. Trường hợp cần xem xét, đánh giá thêm các yêu cầu đối với người cần tuyển vào chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã, phòng Nội vụ có thể áp dụng điểm g, khoản 1, Điều 7 Thông tư số 13/2019/TT-BNV để cùng với Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện xem xét, đánh giá trong quá trình “tuyển dụng.
		6. Đề nghị Sở Nội vụ hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương trong công tác xây dựng bộ đề thi tuyển	6. Xây dựng ngân hàng đề thi dùng chung.

dụng công chức cấp xã.	7. Tại khoản 1, khoản 3, khoản 6 Điều 4 của Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh quy định về ngành đào tạo của các chức danh: Văn phòng - Thống kê; Tư pháp - Hộ tịch và Văn hóa - Xã hội. trong đó có ngành "Luật". Như vậy, đối với các ngành như: Kinh tế-Luật; Quản trị-Luật..., có đáp ứng về chuyên ngành đào tạo được quy định tại Điều 4 của Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh để thực hiện tuyển dụng đầu vào theo quy định.
lâu dài, công khai trong phạm vi tỉnh để sử dụng tuyển dụng công chức cấp xã nhằm tạo sự minh bạch, công bằng, thuận lợi cho địa phương và người dự tuyển. Tuy nhiên, xây dựng ngân hàng đề thi cần có nguồn lực và có văn bản đồng thuận của tất cả các địa phương.	8. Điều 72 Luật Hộ tịch năm 2014: "Có trình độ từ trung cấp trở lên và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch". Vậy, điều kiện đăng ký dự tuyển công chức đầu vào đối với chức danh Tư pháp - Hộ tịch có cần phải bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch hay không, bởi lẽ đa số sinh viên mới tốt nghiệp chưa có bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch.

2 Quy định về số lượng cán bộ, công chức cấp xã	1. Đề nghị hướng dẫn thẩm quyền, trình tự cách xác định rõ biên chế cho cán bộ, công chức cấp xã để làm cơ sở xác định việc cán bộ, công chức kiểm nhiệm có làm giảm biên chế dùng để tính phụ cấp kiểm nhiệm như khoản 3 Điều 2 Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. 2. Đề nghị Sở Nội vụ hướng dẫn rõ hơn về việc xác định số lượng cán bộ, công chức cấp xã. Tại Khoản 1, Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ quy định “1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn. Cụ thể như sau: a) Loại 1: tối đa 23 người; b) Loại 2: tối đa 21 người;..... 3. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã”. Tuy nhiên trường hợp người giữ chức danh cán bộ tăng cường (Cụ thể là cán bộ biên phòng được điều động tăng cường cho xã và không hưởng lương từ ngân sách của xã) có được tính vào số lượng cán bộ, công chức của xã. 3. Đề nghị cho hợp đồng lao động đối với các chức danh công chức xã để bảo đảm nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ của chính quyền cấp xã.
3. Văn bản số 2843/BNV-CCVC ngày	1. Đối với số lượng cán bộ cấp xã cụ thể, thực hiện theo quy định của cấp thẩm quyền liên quan về công tác cán bộ. Việc xác định cụ thể số lượng công chức cấp xã tại từng chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND (sau khi đã xác định số lượng cán bộ cấp xã). 2. Cán bộ đồn biên phòng nếu thuộc diện biệt phái, điều động, luân chuyển giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy xã thì thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ cấp xã quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, tính trong số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

3 Quy định về tiêu chuẩn đối với công chức cấp xã	1. Công chức cấp xã đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp thì có được sử dụng bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp thay thế cho bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (áp dụng nhân đạt chuẩn trình độ học vấn không (áp dụng văn bản số 3645/BGDDT-GDCN ngày 26/7/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận bằng Trung cấp chuyên nghiệp). 2. Đối với công chức xã nơi đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, có yêu cầu phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định mới của Bộ Nội vụ. 3. Công chức Tư pháp – hộ tịch có được chuyển	29/7/2014 của Bộ Nội vụ đã quy định “Không thực hiện việc ký hợp đồng lao động để làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính”. 1. Điểm b, khoản 1, Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ xác định: “Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông”. Không có quy định khác, do đó đối với trường hợp công chức cấp xã chưa đảm bảo tiêu chuẩn trình độ học vấn nêu trên thì chậm nhất ngày 25/12/2024 phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV. 2. Trong năm 2021, tiêu chuẩn đối với công chức xã hiện đang công tác tại các xã đăng ký xây dựng nông thôn mới vẫn tiếp tục thực hiện theo văn bản số 1618/SNV-XDCQ ngày 06/10/2020 của Sở Nội vụ (trung khi chờ Trung ương sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định về Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới). Năm 2022, căn cứ quy định mới của Trung ương, Sở Nội vụ sẽ có văn bản hướng dẫn theo quy định. Dự kiến công chức tuyển dụng mới phải đảm bảo tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND; các trường hợp đã tuyển dụng trước đây thì có lộ trình chuẩn hóa đến năm 2024.
--	--	--

4 Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã:	qua làm công chức Văn phòng – thống kê không và việc sắp xếp, bố trí công chức từ chức danh công chức này sang chức danh công chức khác có cần đảm bảo tiêu chuẩn quy định của chức danh không? 4. Đề nghị hướng dẫn đối với các trường hợp công chức cấp xã được tuyển dụng trước khi Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 12/7/2013 của UBND tỉnh có hiệu lực thi hành; nếu có đầu vào là trình độ chuyên môn đại học nhưng không có trong nhóm ngành đào tạo quy định tại Điều 4 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh thì có phải chuẩn hóa theo quy định mới. 1. Trường hợp một đơn vị có 02 người kiêm nhiệm nhưng chỉ giảm được 01 biên chế thì phụ cấp kiêm nhiệm sẽ chi trả cho ai? Số lượng cán bộ, công chức khi được bố trí đủ số lượng theo quy định thì cán bộ, công chức không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm; tuy nhiên khi khuyết vị trí công chức chưa tuyển dụng thì việc chi trả phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ chuyên trách cấp xã có được thực hiện không? Ví dụ cụ thể; chức danh Bí thư kiêm Chủ tịch HĐND có được chi trả
	3. Khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 13/2019/TT-BNV quy định: Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tuyển dụng, phân công, điều động, luân chuyển và bố trí người đảm nhiệm các chức danh công chức cấp xã phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng các yêu cầu của vị trí chức danh công chức. Do đó, việc bố trí công chức Tư pháp – hộ tịch qua làm công chức Văn phòng – thống kê và việc bố trí các chức danh công chức cấp xã khác phải được thực hiện đảm bảo theo quy định nêu trên. 4. Quy định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND không áp dụng hồi tố đối với trường hợp công chức cấp xã đã được tuyển dụng theo Quyết định trước đây của UBND tỉnh nếu có trình độ chuyên môn đại học. 1. Nguyên tắc chi trả phụ cấp kiêm nhiệm là nếu bố trí kiêm nhiệm làm giảm được ít nhất 01 người trong số lượng quy định thì sẽ có nguồn kinh phí để chi trả cho người được bố trí kiêm nhiệm theo chế độ quy định. Việc xác định số lượng công chức cấp xã nếu đã được ấn định thì trong trường hợp chưa tuyển dụng không thuộc trường hợp do kiêm

5 Chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách	phụ cấp kiêm nhiệm nêu thiếu 01 công chức chưa tuyển dụng. 2. Công chức Văn hóa – xã hội có bằng Trung cấp phù hợp với chức danh đang đảm nhiệm, hiện nay đã tốt nghiệp đại học Luật có được xếp lương đại học không (đã học và tốt nghiệp trước thời điểm Nghị định số 34/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành). 1. Hiện nay chức danh Bí thư Đảng ủy các xã, phường đều kiêm nhiệm chức danh Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng theo quy định của Đảng. Vậy chức danh này hưởng phụ cấp kiêm nhiệm như thế nào nếu chức danh Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng không được xác định là người hoạt động không chuyên trách cấp xã. 2. Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố có được kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và hưởng	nhiệm mà làm giảm được số lương người quy định. Nếu tại một đơn vị có 02 người kiêm nhiệm nhưng chỉ giảm được số lương 01 người quy định thì thời điểm nào thực hiện việc kiêm nhiệm mà phát sinh giảm số lương người sẽ được áp dụng chính sách kiêm nhiệm. 2. Công chức đã tốt nghiệp ngành đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với chức danh công chức quy định tại Điều 4 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND thì được chuyển xếp lương theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ mới quy định. 1. Nghị quyết 136/2021/NQ-HĐND không xác định Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng là chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Nếu có trường hợp Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm chức danh Kiểm tra - Tổ chức (thuộc hệ thống chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã) thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm và phải đảm đương nhiệm vụ, công việc tương ứng của chức danh này (ngoài nhiệm vụ của chức danh Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng). 2. Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Nghị
--	---	---

		phụ cấp kiêm nhiệm không? 3. Đề nghị xem xét nâng phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố có từ 350 hộ trở lên. 1. Đối với làng ở thị trấn thì có bắt buộc thực hiện chuyển thành tổ dân phố không?	quyết số 136/2021/NQ-HĐND không quy định chế độ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố. 3. Nghị định số 34/2019/NĐ-CP không quy định mức khoán quỹ phụ cấp 5,0 đối với tổ dân phố. Sở Nội vụ ghi nhận ý kiến này để phản ánh, đề xuất cấp thẩm quyền xem xét. 1. Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV quy định dưới phường, thị trấn là tổ dân phố. Việc chuyển thôn thành tổ dân phố ở nơi có đủ điều kiện thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 892/SNV-XDCQ ngày 11/6/2021 của Sở Nội vụ.
6	Quy định về thôn, tổ dân phố		